TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2024
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn H - T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà Vũ Thị Dinh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024 và tại bản tự khai, các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã D), huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau, dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 9 năm 2022 sau đó anh chị đã cho nhau cơ hội để gia đình hàn gắn tình cảm, tuy nhiên đời sống tình cảm không có sự thay đổi, chị H và anh T lại ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 28/6/2021, hiện nay cả hai con chung đang học tập và sinh sống cùng anh T. Ly hôn chị H đề nghị giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị đồng ý với việc anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì lý do công việc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại các văn bản trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác N1 thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có gì đáng nói, tuy nhiên chị H yêu cầu xin ly hôn anh không có ý kiến gì, chị H muốn làm sao thì tuỳ chị và anh sẽ không lên Toà án làm việc. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/11/2019 và Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 28/6/2021, hiện nay cả hai con chung đang học tập và sinh sống cùng anh. Ly hôn anh đề nghị giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 28/6/2021, chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã D), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2018 ngày 02/11/2018. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân nhiều lần, không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh T về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T không đến Toà án làm việc, không đưa ra quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh T không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh T cùng sinh sống khi kết hôn xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng mâu thuẫn và ly thân nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 28/6/2021, hiện nay cả hai con chung đang ở với anh T, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Ly hôn cả anh T và chị H đều nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của các đương sự trong vụ án cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung Nguyễn Trần An N và Nguyễn Trần Bảo A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận đề nghị của anh T về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều xác nhận không có nợ chung, không có tài sản chung. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 28/6/2021. Ly hôn, giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Trần An N và Nguyễn Trần Bảo A, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004361 ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí của chị H đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Dương Hồng Thuỷ;
Thái Bình;
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh